TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày: 12/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Bản

Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Bội Khánh

2. Ông Đinh Thanh Hải

3. Bà Hà Thị Dung.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:*** Ông: Lý Văn Huấn, ông Hoàng Đại Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lưu Văn T; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1982; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Lưu Đại T1; Con bà Lâm Thị T2; có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1990; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

(có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Triệu Quốc B, Luật sư Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

Bị hại:

1. Anh Lưu Văn C, sinh năm 1991. (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chị Lê Thị N, sinh năm 1994. (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962. (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990 (Có mặt).

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

1.Bà Lâm Thị T2, sinh năm 1952. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

2.Cháu Lưu Thiện Â, sinh năm 2014. Người giám hộ của cháu Â: Anh Bùi Xuân T3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn T và anh Lưu Văn C, sinh năm 1991, trú tại xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên có quan hệ họ hàng với nhau, T và C có mâu thuẫn với nhau từ việc C dựng hàng rào thép B40 gây khó khăn trong quá trình đi lại đến khu đất trồng keo, trồng lúa của gia đình T nên yêu cầu C tháo bỏ nhưng anh C không đồng ý.

Sáng ngày 04/11/2023 T cùng một số người quen đi ăn sáng, uống rượu đến khoảng 10 giờ thì về nhà đi đến bờ rào lấy 1 con dao dạng dao quắm có chiều dài 53cm, chuôi bằng cán gỗ dài 23cm, lưỡi dao bằng kim loại, mục đích đến ruộng lúa của gia đình để cắt lúa sót vì hôm trước gia đình T gặt máy, còn sót lại nhiều cây lúa. Khi đi đến đoạn đường mòn đi qua đất nhà anh Lưu Văn C cách nhà T khoảng 30m, T nhìn thấy hàng rào lưới thép B40 nên không đi qua được nên T cảm thấy bực tức, nảy sinh ý định cầm dao đến nhà chém anh C. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20L3-6793, cầm dao đi thẳng đến nhà anh C. Khi đến sân, T dựng xe và đi theo cầu thang để lên sàn nhà anh C thì gặp con anh C đứng ở đỉnh cầu thang, T hỏi "Bố mày đâu", đồng thời vẫn tiếp tục đi lên trên nhà. Lúc này anh C đang nằm ngửa ở chiếc giường kê ở góc bên phải theo hướng từ cầu thang nhìn vào, đầu quay về hướng cầu thang, vợ anh C là chị Lê Thị N, sinh năm 1994 đang ngồi trên giường, ở bên trái của anh C. Nhìn thấy anh C, T vừa đi vừa nói với ý hỏi anh C tại sao không dỡ hàng rào chắn theo yêu cầu của T, chị N nghe thấy vậy nên cũng nhìn về hướng T. T cầm dao đi nhanh đến cách anh C khoảng 1m thì cầm dao ở tay trái bổ thẳng 01 nhát hướng từ trên xuống dưới vào vùng mặt của anh C, chị N nhìn thấy vậy liền giơ tay ra đỡ trúng vào tay trái của C nên dao không chém trúng cơ thể anh C. Anh C giật mình nên vùng dậy chạy khỏi giường, chị N cũng dùng hai tay giữ dao của T, can ngăn T nhưng T không nghe mà tiếp tục giằng co với chị N để lấy dao và giằng được dao ra khỏi chị N. T cầm dao ở tay trái chém 01 nhát vào vùng phía sau gáy bên

phải của anh C. Anh C bỏ chạy đến khu vực kê bàn, ghế, T cầm theo dao chạy sau chém vào vùng đầu của anh C nhưng vì anh C chạy nên T chém trúng vùng lưng của anh C. Lúc này chị N và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 là mẹ đẻ của anh C đã chạy theo giữ để ngăn T nhưng T vẫn dùng dao chém trúng tay bà L, tiếp đó T thấy anh C đang quay lưng về phía mình, người hơi cúi xuống, T liền chém 01 nhát vào vùng tay trái của anh C. Lúc này bà Lâm Thị T2, sinh năm 1952 là mẹ đẻ của T đến giữ tay T và bảo dừng lại. Do sợ nếu tiếp tục chém sẽ gây thương tích cho mẹ đẻ nên T dừng lại, bà T2 giằng lấy dao, còn T đi về nhà mình. Bà T2 cầm dao về nhà thấy dao có dính nhiều máu nên đã rửa sạch vết máu và cất đi. Anh C, chị N, bà L đã được người dân đưa đi cấp cứu điều trị tại Bệnh viện T4, hậu quả: Anh Lưu Văn C bị: Mẻ xương trán trái; vết thương lóc da đầu phức tạp vùng thái dương đỉnh, chảy nhiều máu, vùng chẩm,vùng sau tai; vết thương phức tạp nham nhở lộ xương chảy nhiều máu, biến dạng 1/3 giữa cẳng tay trái; vết thương vùng lưng kích thước (6x2)cm, chảy máu. Chị Lê Thị N: 02 vết thương rách da chảy máu kích thước (3x1)cm và (7x1)cm vị trí mặt trước cánh tay trái. Bà Nguyễn Thị L: 01 vết thương sắc gọn tại đốt 1 ngón II bàn tay phải. Ngày 20/01/2024 chị Lê Thị N và bà Nguyễn Thị L yêu cầu xử lý hành vi gây thương tích của Lưu Văn T đối với bà L, chị N.

Ngay sau khi xảy ra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định vị trí, địa điểm Lưu Văn T chém Lưu Văn C, Lê Thị N, Nguyễn Thị L. Phát hiện các dấu vết vật chất màu nâu đỏ bám trên bề mặt sàn nhà, giường. Thu giữ tại hiện trường các mẫu máu, 01 chiếc áo nữ màu vàng, 01 thẻ nhớ màu đen, nhãn hiệu Kingston, 64gb.

Tại Bản Kết luận giám định số 948/KLTTCT-TTPY ngày 08/11/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Lưu Văn C tại thời điểm giám định là 12%. Hiện tại bệnh nhân đang nằm điều trị tại bệnh viện, còn có tổn thương đã phẫu thuật và các tổn thương khác chưa thể đánh giá, xác định tỷ lệ được ngay, nên sau khi bệnh nhân ra viện, Cơ quan CSĐT có thể trưng cầu giám định bổ sung.

Tại Bản Kết luận giám định số 1041/KLTTCT-TTPY ngày 27/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T giám định bổ sung tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Lưu Văn C. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể Lưu Văn C tại thời điểm giám định là 18%.

Tại Bản Kết luận giám định số 944/KLTTCT-TTPY ngày 08/11/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Lê Thị N tại thời điểm giám định là 3%. Hiện tại bệnh nhân đang nằm điều trị tại bệnh viện, còn có tổn thương đã phẫu thuật và các tổn thương khác chưa thể đánh giá, xác định tỷ lệ được ngay, nên sau khi bệnh nhân ra viện, Cơ quan CSĐT có thể trưng cầu giám định bổ sung.

Tại Bản Kết luận giám định số 1042/KLTTCT-TTPY ngày 27/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T giám định bổ sung. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể Lê Thị N tại thời điểm giám định là 4%.

Tại Bản Kết luận giám định số 944/KLTTCT-TTPY ngày 08/11/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị L tại thời điểm giám định là 1%. Hiện tại bệnh nhân đang nằm điều trị tại bệnh viện, còn có tổn thương đã phẫu thuật và các tổn thương khác chưa thể đánh giá, xác định tỷ lệ được ngay, nên sau khi bệnh nhân ra viện, Cơ quan CSĐT có thể trưng cầu giám định bổ sung.

Tại Bản Kết luận giám định số 1043/KLTTCT-TTPY ngày 27/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T giám định bổ sung. Kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị L tại thời điểm giám định là 8%.

Vật chứng liên quan đến vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu H2, bên trong có vật chất màu nâu đỏ; 01 bì niêm phong ký hiệu H4, bên trong có vật chất màu nâu đỏ; 01 hộp niêm phong ký hiệu H3, bên trong có 01 chiếc áo thu giữ tại hiện trường; 01 hộp ký hiệu là A, bên trong có 01 chếc áo, 01 chiếc quần thu giữ của Lưu Văn T; 01 xe mô tô trên máy có "VYEM", biển kiểm soát 20L3-6793, số máy 3501521101, số khung M5X152101 thu giữ của Lưu Văn T; 01 hộp niêm phong, không có ký hiệu bên trong có 01 con dao.

Về yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra anh C yêu cầu T bồi thường số tiền 89.498.776đ bao gồm các khoản chi phí viện phí, mua thiết bị y tế, tiền mất thu nhập thực tế, người chăm sóc. Chị N yêu cầu T bồi thường số tiền 18.135.667đ bao gồm các khoản chi phí viện phí, mua thiết bị y tế, tiền mất thu nhập thực tế, người chăm sóc. Bà L yêu cầu T bồi thường số tiền 43.702.914đ bao gồm các khoản chi phí viện phí, mua thiết bị y tế, tiền mất thu nhập thực tế, người chăm sóc. Ngoài ra anh C, chị N, bà L còn yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 27/CT - VKS (P2), ngày 28/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lưu Văn T về tội "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa : Lưu Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai những người bị hại, những người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án; Người bị hại Lưu Văn C, chị Lê Thị N; bà Nguyễn Thị L đề nghị bị cáo bồi thường theo quy định pháp luật.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên xử bị cáo: Lưu Văn T phạm tội: "Giết người" và tội: "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, 57 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lưu Văn T từ 10 đến 11 năm tù. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lưu Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Áp dụng Điều

55 BLHS tổng hợp chung hình phạt tù của 02 tội từ 11 năm 6 tháng đến 13 năm tù thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2023.

Về bồi thường: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584; 585; 586; 590 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán TANDTC buộc bị cáo bồi thường:

* Bồi thường cho anh Lưu Văn C số tiền từ: 63.234.835đ đến 68.234.835đ, bao gồm: Tiền chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất của anh C, tiền chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc anh C và tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho anh C.

* Bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền từ: 36.948.003đ đến 38. 948.003đ, bao gồm: Tiền chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất của bà L, tiền chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bà L và tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho bà L.

*Bồi thường cho chị Lê Thị N số tiền từ: 17.559.783đ đến 18.559.783đ, bao gồm: Tiền chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất của chị N, tiền chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc chị N và tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho chị N.

Tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho anh C, chị N, bà L là từ 117.742.6211đ đến 125.742.621đ, số tiền trên được trừ đi số tiền 10 triệu đồng bị cáo tự nguyện bồi thường. Số tiền còn lại bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho các bị hại.

Vật chứng: Xử lý theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí tội danh, điều luật viện kiểm sát truy tố, đồng tình các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét đến động cơ, nguyên nhân động cơ mục đích phạm tội của bị cáo xử phạt dưới mức thấp của khung hình phạt đối với tội 'Giết người' xử phạt từ 06 – 12 tháng tù đối với tội 'Cố ý gây thương tích'.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi đối đáp với ý kiến của Luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố; Bị cáo đồng ý với nội dung bào chữa của luật sư bào chữa cho mình.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Luật sư, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 11 giờ 55 phút, ngày 04/11/2023, tại nhà anh Lưu Văn C ở xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, do có mâu thuẫn từ trước nên Lưu Văn T đã dùng 01 con dao dạng dao quắm có chiều dài 53cm, chuôi bằng cán gỗ dài 23cm, lưỡi dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát vào đầu, tai, lưng, tay trái anh C làm anh C bị đa chấn thương vùng đầu mặt, lưng, mẻ xương thái dương trái, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18% (Mười tám phần trăm).

Trong lúc chém anh C, Lưu Văn T còn dùng dao chém 01 nhát trúng vào cánh tay trái của chị Lưu Thị N1, làm chị N1 bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 04% (bốn phần trăm). Lưu Văn T dùng dao chém trúng 01 nhát vào bàn tay phải của bà Nguyễn Thị L, làm bà L bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08% (tám phần trăm).

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 123 Bộ luật hình sự:

"1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

n). Có tính chất côn đồ;...

Nội dung Điều 134 Bộ luật hình sự:

"*1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Dùng..., hung khí nguy hiểm...

i) Có tính chất côn đồ..."

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khoẻ của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có bố đẻ là ông Lưu Đại T1 được tặng thưởng huy chương kháng chiến. Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho cac bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt phạm tội chưa đạt có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS nên áp dụng Điều 54; Điều 15 và Điều 57 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư về tội danh Điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng là có căn cứ.

[5]. Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và những người bị hại đã không thống nhất được mức bồi thường nên Hội đồng xét xử căn cứ vào: Các Điều 584; 585; 586; 590 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán TANDTC buộc bị cáo bồi thường:

*** Bồi thường cho anh** Lưu Văn C**:**

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa (theo tài liệu anh C cung cấp)

- Chi phí khám chữa bệnh, tiền thuê xe 11.234.000đ (Có chứng từ)

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại (Ngày lương tối thiểu vùng) 160.000đ x14 ngày (Điều trị) = 2.240.000đ.

- Chi phí phục hồi sức khỏe, giảm sút của người bị thiệt hại 14 x300.000đ = 4.200.000đ

Cộng 1: **17.674.000**

2.Tiền thu nhập thực tế bị mất,giảm sút: (Ngày lương tối thiểu vùng) 160.000đ x14 ngày = 2.240.000đ.

3. Chi phí hợp lý và thu nhập thực tế cho người chăm sóc người bị thiệt hại (Tiền tàu xe, thu nhập thực tế bị mất..) trong thời gian điều trị; 14 ngày x 300.000đ = 4.200.000đ

4. Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh Lưu Văn C: 12 tháng lương cơ sở = 12 x 1.800.000đ= 21.600.000đ

Cộng các khoản : 1+2+3+4 = 45.714.000đ

*** Bồi thường cho bà** Nguyễn Thị L**:**

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa (theo tài liệu bà L cung cấp)

- Chi phí khám chữa bệnh, tiền thuê xe 11.948.000đ (Có chứng từ)

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại (Ngày lương tối thiểu vùng) 160.000đ x10 ngày (Điều trị) = 1.600.000đ.

- Chi phí phục hồi sức khỏe, giảm sút của người bị thiệt hại 10 ngày x 300.000đ = 3.000.000đ

Cộng 1: **16.548.000đ**

2.Tiền thu nhập thực tế bị mất, giảm sút: (Ngày lương tối thiểu vùng) 160.000đ x10 ngày = 1.600.000đ.

3.Chi phí hợp lý và thu nhập thực tế cho người chăm sóc người bị thiệt hại (Tiền tàu xe, thu nhập thực tế bị mất..)trong thời gian điều trị 10 ngày x 300.000đ = 3.000.000đ

4.Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bà Nguyễn Thị L: 05 tháng lương cơ sở = 05 x 1.800.000đ = 9.000.0000đ

Cộng các khoản : 1+2+3+4 = 30.148.000đ

*** Bồi thường cho chị** Lê Thị N**:**

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa (theo tài liệu chị N cung cấp và bảng kê chi phí thu thập):

- Chi phí khám chữa bệnh, tiền thuê xe 3.959.000đ (Có chứng từ)

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại (Ngày lương tối thiểu vùng) 160.000đ x 6 ngày (Điều trị) = 960.000đ.

- Chi phí phục hồi sức khỏe, giảm sút của người bị thiệt hại 6 x 300.000đ = 1.800.000đ

Cộng 1: **6.719.000đ**

2. Tiền thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút: (Ngày lương tối thiểu vùng) 160.000đ x 6 ngày = 960.000đ.

3.Chi phí hợp lý và thu nhập thực tế cho người chăm sóc người bị thiệt hại (Tiền tàu xe, thu nhập thực tế bị mất..) trong thời gian điều trị 6 ngày x 300.000đ = 1.800.000đ

4. Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị Lê Thị N: 03 tháng lương cơ sở = 03 x 1.800.000đ = 5.400.0000đ

Cộng các khoản : 1+2+3+4 = 14.879.000đ

Tổng 03 bị hại: 90.714.000đ được trừ đi số tiền 10 triệu đồng gia đình bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyện, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại số tiền 80.714.000đ.

Số tiền 10 triệu đồng mà gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường; Tại tòa các bị hại đồng ý số tiền này bồi thường cho anh Lưu Văn C nên số tiền này sẽ được tính cho bị cáo đã bồi thường cho anh C.

[6]. Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội và các vật chứng khác không có giá trị sử dụng, *01 bì niêm phong ký hiệu H2, bên trong có vật chất màu nâu đỏ; 01 bì niêm phong ký hiệu H4, bên trong có vật chất màu nâu đỏ; 01 hộp niêm phong ký hiệu H3, bên trong có 01 chiếc áo; 01 hộp ký hiệu là A, bên trong có 01 chếc áo, 01 chiếc quần.*

Đối với chiếc xe máy đã qua sử dụng, biển kiểm soát 20L3-6793 là phương tiện bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T phạm tội "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích".

1. **Về hình phạt**:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lưu Văn T **10** (Mười) năm tù về tội Giết người.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lưu Văn T **18** (Mười tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là: **11** (Mười một) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2023.

1. **Trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 590; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự:

2.1.Buộc bị cáo bồi thường cho anh Lưu Văn C số tiền 45.714.000đ được trừ đi số tiền 10 triệu đồng gia đình bị cáo đã nộp bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 35.714.000đ.

2.2.Buộc bồi thường cho bà Nguyễn Thị L 30.148.000đ

2.3.Buộc bị cáo bồi thường cho chị Lê Thị N số tiền 14.879.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ghi nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh C số tiền 10 triệu đồng theo biên lai số 0000055 ngày 10/6/2024 tại cục THADS tỉnh T

3.Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô trên máy có chữ "VYEM", biển kiểm soát 20L3-6793, số khung M5X152101, xe cũ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong ký hiệu H2, bên trong có vật chất màu nâu đỏ; 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu H4, bên trong có vật chất màu

nâu đỏ; 01 (một) hộp niêm phong ký hiệu H3, bên trong có 01 chiếc áo; 01 (một) hộp niêm phong ký hiệu A, bên trong có 01 chiếc áo, 01 chiếc quần; 01 (một) hộp niêm phong , không có ký hiệu bên trong có 01 con dao.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 64 ngày 21 tháng 03 năm 2024 giữa Công an tỉnh T *với* Cục THADS tỉnh T*).*

4.Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số ~~326/2016/UBTVQH1~~4 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Lưu Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và **4.035.700đ** án phí dân sự có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Bản